

Tình trạng “tam nông” Trung Quốc THÀNH TỰU, VẤN ĐỀ VÀ THÁCH THỨC

GS. CỐC NGUYỄN DƯƠNG

*Viện Nghiên cứu phát triển Á – Phi
Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện*

Hồ Cẩm Đào chỉ ra: “Trung Quốc có 1,3 tỷ dân, đa số là người dân nông thôn, nông nghiệp và nông thôn không phát triển được, đời sống của người nông dân không được cải thiện rõ rệt, chúng ta không thể thực hiện được mục tiêu xây dựng xã hội khá giả, không thể thực hiện được hiện đại hoá cả nước, không thể thực hiện được toàn dân cùng giàu có, không thể giữ ổn định lâu dài được”. “4 điều không thể” này cho thấy rõ tính quan trọng và tính cấp bách của nông nghiệp, nông thôn, nông dân (dưới đây gọi tắt là “tam nông”). Mặc dù vấn đề “tam nông” vẫn là vấn đề nổi cộm trong việc vận hành và phát triển nền kinh tế của Trung Quốc hiện nay, nhưng giải quyết vấn đề “tam nông” đã trở thành “quan trọng” trong những vấn đề “quan trọng” trong toàn bộ công tác của Trung ương Đảng Cộng sản và Quốc vụ viện.

Bốn năm gần đây, Trung ương Đảng Cộng sản, Quốc vụ viện đã liên tục công bố 4 văn kiện số 1, đưa ra hàng loạt những chính sách hỗ trợ và có lợi cho “tam nông”: văn kiện số 1 năm 2004 chủ yếu là thúc đẩy tăng thu nhập của người nông dân, nhằm vào vấn đề hạt nhân trong công tác “tam nông”; văn kiện số 1 năm 2005 chủ yếu là nâng cao sức sản xuất tổng hợp của nông nghiệp, nhằm vào vấn đề phát triển sức sản xuất nông nghiệp; văn kiện số 1 năm 2006 chủ yếu là thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, nhằm vào vấn đề căn bản của việc xây dựng xã hội khá giả toàn diện ở nông thôn; văn kiện số 1 năm 2007 chủ yếu là phát triển nông nghiệp hiện đại, nhằm vào vấn đề trọng yếu của việc xây dựng nông thôn.

Bốn văn kiện “số 1 của Trung ương” trên đây, cho thấy rõ ý niệm mới, sắp xếp mới, động thái mới của việc đẩy mạnh công tác “tam nông”, chủ yếu biểu hiện ở 4 phương diện:

1. Xác định rõ tư tưởng chiến lược chỉ đạo công tác “tam nông” trong thời kỳ mới

Trung ương đề ra yêu cầu cơ bản coi giải quyết vấn đề “tam nông” là “quan trọng trong những vấn đề quan trọng” của toàn bộ công tác của Đảng, xác định rõ phương sách cơ bản phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn, đưa ra phán đoán cơ bản về tổng thể Trung Quốc đã đến giai đoạn phát triển “lấy công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp”, “thành phố lôi kéo nông thôn”, đặt ra phương châm “công nghiệp quay lại phát triển nông nghiệp”, “thành phố trợ giúp nông thôn” và “cho nhiều, lấy ít”.

2. Bước đầu hình thành hệ thống chính sách trợ giúp và có lợi cho “tam nông” trong thời kỳ mới

Trên cơ sở bảo đảm tính liên tục và ổn định của chính sách, thích ứng với yêu cầu mới của việc phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới, Trung ương Đảng Cộng sản và Quốc vụ viện đã kiện toàn chế độ trợ cấp giúp đỡ đối với nông nghiệp, bao gồm mở rộng mức độ trợ cấp giống tốt, mở rộng phạm vi trợ cấp và chủng loại; mở rộng quy mô trợ cấp mua máy móc nông nghiệp; mở rộng mức độ trợ cấp tổng hợp tư liệu sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, còn đặt ra chính sách

khuyến khích thưởng trợ cấp đối với các huyện sản xuất lương thực chủ yếu và những huyện tài chính khó khăn, thực hiện chính sách điều tiết giá thu mua thấp nhất đối với các loại lương thực trọng điểm, nhấn mạnh những chính sách trợ giúp việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển sự nghiệp xã hội nông thôn.

Năm 2006 Trung ương đã chi một khoản tài chính là 339,7 tỷ NDT cho công tác “tam nông”, tăng 42,2 tỷ NDT so với năm 2005. Những biện pháp chính sách của Trung ương chủ yếu bao gồm: (1) Xoá bỏ thuế nông nghiệp trong phạm vi cả nước. (2) Tăng tỷ lệ chi tài chính của Trung ương và quỹ xây dựng công trái cho “tam nông”. (3) Khu vực miền Tây đi đầu trong việc đưa toàn bộ việc giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn vào phạm vi bảo đảm tài chính. (4) Trung ương nâng cao tiêu chuẩn trợ cấp tài chính, mở rộng phạm vi thí điểm, tăng mức trợ cấp cho việc tích cực thúc đẩy xây dựng chế độ y tế hợp tác nông thôn kiểu mới.

Bốn biện pháp chính sách trên đây có thể quy nạp thành 2 loại, một là giảm thu thuế, hai là tăng chi tài chính lưu chuyển, trong đó miễn giảm thuế nông nghiệp thuộc dạng giảm thuế, còn lại đều thuộc dạng tăng chi tài chính lưu chuyển. Theo tính toán, miễn giảm thuế nông nghiệp tương đương với giảm 55 tỷ NDT thu nhập từ thu thuế, các khoản Trung ương chi tài chính lưu chuyển khác khoảng 78 tỷ NDT. Việc thực hiện 2

chính sách hỗ trợ “tam nông” này có hiệu quả rõ rệt đối với việc nâng cao thu nhập của nông dân, kích thích tiêu dùng, hạn chế đầu tư, duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định.

Năm 2007, Trung ương lại đưa ra “3 nguyên tắc tiếp tục cao hơn”: lượng tăng đầu tư tài chính cho nông nghiệp phải tiếp tục cao hơn năm trước; lượng tăng đầu tư tài sản cố định ở nông thôn tiếp tục cao hơn năm trước; lượng tăng thu nhập từ chuyển nhượng đất đai dùng vào xây dựng nông thôn phải tiếp tục cao hơn năm trước. Do vậy, Ủy ban cải cách phát triển nhà nước tích cực điều chỉnh kết cấu đầu tư: trong cả năm Trung ương đầu tư khoảng 62 tỷ NDT vào các việc như nông, lâm, khí tượng thủy văn, xoá đói giảm nghèo, cải tạo đường ở nông thôn, xây dựng cơ sở điện lực ở nông thôn, xây dựng thị trường nông sản phẩm, phát triển sự nghiệp xã hội ở nông thôn và xây dựng chính quyền cơ sở ở nông thôn, mức đầu tư này so với năm ngoái tăng hơn 9 tỷ NDT; đầu tư hơn 36 tỷ NDT vào việc hỗ trợ sản xuất lương thực, giáo dục ở nông thôn, phát triển y tế, văn hoá, so với năm ngoái tăng khoảng 5 tỷ NDT.

Tuy nhiên, hiện nay chế độ trợ cấp nông nghiệp Trung Quốc vẫn tồn tại một số vấn đề: *một là*, tổng mức trợ cấp nông nghiệp không đủ, mức chi tài chính cho nông nghiệp cả nước năm 2005 là 245 tỷ NDT, chỉ chiếm 7,22% tổng mức chi tài chính, do vậy, chi tài chính của Trung ương cho “tam nông” năm 2006 lên đến 339,7 tỷ NDT, năm 2007 tăng lên đến 391,7 tỷ NDT, so với năm 2006 tăng

15,31%. *Hai là*, hiện tượng chi tài chính không đúng mục đích cho nông nghiệp nghiêm trọng, không thực sự sử dụng đầu tư vào nông nghiệp. *Ba là*, việc thao tác sử dụng tiền trợ cấp và các loại chi khác cho nông nghiệp phân tán, giảm hiệu quả sử dụng vốn trợ cấp cho nông nghiệp. *Bốn là*, chưa hoàn toàn phù hợp với Hiệp định khung về nông nghiệp của WTO. Việc sử dụng chính sách “Hộp xanh” chưa đầy đủ, còn nhiều không gian để mở rộng. Về phương diện trợ cấp lương thực, mỗi mẫu của Mỹ là 76 NDT, của EU là 150 NDT, còn bình quân mỗi mẫu của Trung Quốc là khoảng 30 NDT.

3. Bắt đầu xây dựng thời kỳ mới thúc đẩy cơ chế có hiệu quả phát triển kinh tế xã hội nông thôn

Xây dựng cơ chế bao gồm cơ chế tích cực thăm dò tăng trưởng ổn định trong đầu tư vào “tam nông”; xây dựng cơ chế có hiệu quả lâu dài trong phát triển nông thôn và tăng thu nhập cho người nông dân; xây dựng cơ chế lưu thông nông sản phẩm thu mua theo phương thức thị trường hoá và đa nguyên hoá chủ thể kinh doanh; hình thành cơ chế việc làm, lập nghiệp theo phương thức kết hợp giữa phát triển việc làm tại chỗ và chuyển dịch lao động ra ngoài đối với nông dân; hoàn thiện cơ chế quản lý hương thôn theo phương thức thôn dân tự trị và công khai các công việc của hương trấn; chú trọng cơ chế quản lý giám sát ngăn chặn hiệu ứng ngược lại đối với nông dân. Việc xây dựng những cơ chế này, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nông nghiệp và nông thôn.

4. Bắt đầu cấu trúc khuôn khổ chế độ thời kỳ mới phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông dân.

Với tiêu chí là: tăng đầu tư tài chính cho nông thôn, bắt đầu thúc đẩy việc xây dựng chế độ tài chính công bao phủ lên thành thị và nông thôn; xoá bỏ “4 loại thuế nông nghiệp” (thuế nông nghiệp, thuế sát sinh, thuế chăn nuôi, thuế nông nghiệp đặc biệt), bắt đầu hướng tới việc thực hiện quá độ thể chế thu thuế công bằng, thống nhất giữa thành thị và nông thôn; thực hiện “hai miễn một trợ cấp” (miễn toàn bộ tạp phí đối với học sinh giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, miễn tiền sách giáo khoa và trợ cấp tiền sinh hoạt phí, ký túc xá đối với học sinh gia đình khó khăn; bắt đầu cơ bản thực hiện chuyển đổi theo chế độ giáo dục nghĩa vụ bình đẳng giữa thành thị và nông thôn; xây dựng chế độ y tế hợp tác nông thôn kiểu mới, bắt đầu tiến tới cơ bản thực hiện chế độ dịch vụ y tế bình đẳng giữa thành thị và nông thôn; thăm dò xây dựng chế độ bảo đảm mức sống tối thiểu của nông dân, bắt đầu nỗ lực cơ bản thực hiện chế độ an sinh xã hội bao phủ lên thành thị và nông thôn; bảo vệ một cách toàn diện quyền lợi của người nông dân ra thành phố làm thuê, bắt đầu phát triển theo phương hướng cơ bản thực hiện chế độ việc làm thị trường lao động và cạnh tranh công bằng thống nhất giữa thành thị và nông thôn. Việc bắt tay vào việc xây dựng những chế độ này, đánh dấu bước đi vững chắc trong việc Trung Quốc xoá bỏ kết cấu nhị nguyên giữa

thành thị và nông thôn, đồng thời phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn.

Việc ra đời của 4 văn kiện “số 1 của Trung ương”, đã làm thay đổi rõ rệt công tác “tam nông” của Trung Quốc:

♦ *Sản xuất lương thực phát triển ổn định.* Tổng sản lượng lương thực toàn quốc năm 2004 là 469.400.000 tấn, năm 2005 là 484.000.000 tấn, năm 2006 tăng lên đến 497.450.000 tấn, thực hiện được mục tiêu sản xuất lương thực tăng trưởng ổn định 3 năm liên.

♦ *Thu nhập của nông dân tăng lên* Thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân cả nước năm 2004 là 2.936 NDT, sau khi khấu trừ nhân tố giá cả thực tế tăng trưởng 6,8%, thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân cả nước năm 2005 là 3.255 NDT, mức tăng trưởng thực tế là 6,2%, thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân cả nước năm 2006 tăng 332 NDT so với năm 2005, đạt 3.587 NDT, mức tăng thực tế là 7,4%. Nguồn thu nhập của nông dân là thu nhập từ tiền lương và thu nhập thuần từ kinh doanh gia đình, trong 3.255 NDT thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân năm 2005, thu nhập tiền lương là 1.175 NDT, thu nhập thuần kinh doanh gia đình là 1.845. Do việc tăng số lượng nông dân ra ngoài làm thuê và mức lương tăng lên, do vậy thu nhập từ tiền lương của nông dân có xu hướng tăng lên. Xuất phát từ góc độ này, nếu bảo đảm được quyền lợi cơ bản của nông dân ra thành phố làm thuê, thì

coi như là đã “quay lại trợ giúp nông nghiệp”, đây là biện pháp tốt thực hiện chuyển dịch sức lao động dư thừa ở nông thôn.

♦ *Sự nghiệp xã hội nông thôn đã xuất hiện thay đổi.* Năm 2006 bắt đầu thực hiện cải cách cơ chế bảo đảm kinh phí giáo dục nghĩa vụ cho nông thôn, có 48.800.000 suất miễn tạp phí đối với học sinh trong giai đoạn giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn. Trong thời kỳ quy hoạch “5 năm lần thứ 11”, đầu tư tài chính của trung ương và của địa phương vào giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, lần lượt tăng mức đầu tư lên đến 125,8 tỷ NDT và 92,4 tỷ NDT; việc thí điểm cải cách chế độ hợp tác y tế kiểu mới ở nông thôn tiếp tục được thúc đẩy, đến cuối năm 2006, số nông dân tham gia y tế hợp tác trong cả nước là hơn 400 triệu người, chiếm 47,2% dân số nông nghiệp cả nước. Trong thời gian quy hoạch 5 năm lần thứ 11, tài chính trung ương và địa phương sẽ tập trung hàng 100 tỷ NDT, đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và lĩnh vực sự nghiệp xã hội nông thôn mà nông thôn, nông dân đang bức thiết cần giải quyết nhất.

♦ *Công tác triển khai công việc xóa đói giảm nghèo đạt được tiến triển mới.* Năm 2005, dựa vào tiêu chuẩn mức thu nhập thuần bình quân đầu người thấp hơn 683 NDT, thì số nghèo khó cuối năm 2005 là 23,65 triệu NDT, giảm 2.450.000 người so với năm 2004; dựa vào tiêu chuẩn mức thu nhập thuần đầu người là 944 NDT, thì dân số có thu nhập thấp ở nông thôn cuối năm 2005 là 40,67 triệu NDT, giảm 9,1 triệu người so với năm 2004. Đến cuối

năm 2006, trong cả nước đã có 2.133 huyện xây dựng chế độ bảo đảm mức sống tối thiểu ở nông thôn. Dân số nghèo khổ ở nông thôn giảm xuống còn 21,48 triệu người, dân số có thu nhập thấp giảm xuống còn 35,50 triệu người. Mặc dù dân số nghèo khổ ở nông thôn và dân số có thu nhập thấp tiếp tục giảm xuống, nhưng mức chênh lệch thu nhập trong nội bộ cư dân nông thôn Trung Quốc tiếp tục mở rộng, mức độ chênh lệch trong phân phối tăng lên.

♦ *Tích cực thúc đẩy cải cách tổng hợp nông thôn một cách ổn thoả.* Nội dung cải cách tổng hợp nông thôn bao gồm 3 phương diện: cải cách cơ cấu hương trấn, cải cách giáo dục nghĩa vụ nông thôn, cải cách thể chế quản lý tài chính huyện và hương. Về phương diện tinh giản cơ cấu, cán bộ cấp hương trấn, giải quyết nợ của hương thôn, xây dựng cơ chế bảo đảm kinh phí cho giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, tiến hành chính sách thương trợ cấp đối với các huyện sản xuất lương thực lớn và huyện khó khăn về tài chính đã thu được một số kinh nghiệm.

♦ *Áp dụng biện pháp bảo đảm quyền lợi đối với nông dân ra thành phố làm thuê.* Theo tính toán của Bộ nông nghiệp Trung Quốc, trong 320 triệu lao động nông nghiệp, ngành trồng trọt thực tế cần 150 triệu lao động, cộng thêm 20 triệu lao động sản xuất ngành lâm nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp, số lao động nông nghiệp thực tế cần là 170 triệu người, hiện nay nông thôn có 150 triệu lao động dư thừa.

Tình hình việc làm ở nông thôn ngày

càng nghiêm trọng và thu nhập từ nông nghiệp tiếp tục hạ xuống, làm cho nông dân ngày càng nhiều người rời bỏ nông nghiệp và nông thôn chuyển ra thành thị. Hơn 20 năm qua, nông dân ra thành phố làm thuê đã trở thành nguồn chủ yếu tăng thu nhập cho cư dân nông thôn, đại đa số những công việc mà người nông dân làm thuê làm là những công việc mà người dân thành phố không muốn làm. Nhưng một số quyền lợi hợp pháp của người nông dân ra thành phố làm thuê không được tôn trọng và bảo đảm, quyền lợi hợp pháp bị xâm hại. Người nông dân ra thành phố làm thuê phải làm rất nhiều giấy tờ và thu phí tương đối cao. Điều kiện sinh hoạt của họ kém, cường độ lao động cao, độ nguy hiểm trong công tác lớn, thiếu bảo hiểm thương vong trong lao động và y tế, tiền lương thấp, nhưng thường xuyên bị khấu trừ và chậm trả. Vì vậy, năm 2006, Quốc vụ viện đã đưa ra văn kiện số 5 bảo đảm quyền lợi của nông dân ra thành phố làm thuê, xây dựng chế độ hội nghị liên tịch bảo vệ quyền lợi người nông dân ra thành phố làm thuê gồm hơn 30 bộ ngành tham gia. Việc bảo vệ quyền lợi của người nông dân ra thành phố làm thuê trên các phương diện như hợp đồng lao động, mức lương, cải thiện môi trường lao động, giải quyết cho con em họ đến trường và bảo hiểm y tế đã thu được tiến triển mới. Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng của người nông dân ra thành thị làm thuê năm 2006 là 958 NDT, số người nông dân ra thành phố làm thuê tham gia bảo hiểm thương vong trong lao động và bảo hiểm y tế lần lượt

là 25,38 triệu và 23,67 triệu người.

Trung Quốc người nhiều đất ít, nguồn tài nguyên nông nghiệp bình quân đầu người hiếm, trong mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp hình thành kết cấu kinh tế nhị nguyên vẫn còn nhiều mâu thuẫn chưa được giải quyết. Về tổng thể, vẫn có 4 tình trạng “không thay đổi”: một là, cơ sở nông nghiệp không vững chắc, cơ sở hậu cần cho phát triển nông nghiệp không đủ không thay đổi; hai là, trang thiết bị nông nghiệp lạc hậu, tình trạng cơ bản dựa vào tự nhiên sản xuất không thay đổi; ba là, tình trạng kênh việc làm của nông dân không nhiều, khó khăn trong việc tăng thu nhập cho nông dân không thay đổi; bốn là, tình trạng phát triển kinh tế xã hội giữa thành thị và nông thôn bất cân bằng, chênh lệch lớn không thay đổi. Cụ thể mà nói, việc giải quyết vấn đề “tam nông” của Trung Quốc đối mặt với những áp lực và thách thức sau:

▪ *Điều kiện sản xuất nông nghiệp ngày càng khó khăn.* Một là diện tích đất canh tác giảm nhanh chóng. Đất canh tác bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ có 1,41 mẫu, chỉ bằng 1/4 mức bình quân thế giới. Do nhiều nguyên nhân như thu hẹp việc canh tác môi trường sinh thái, tổn hại do cháy rừng, xây dựng chiếm dụng, diện tích đất canh tác của Trung Quốc luôn luôn giảm xuống. Năm 1996, diện tích đất canh tác của Trung Quốc là 1,951 tỷ mẫu, đến cuối năm 2005, đã giảm xuống còn 1,831 tỷ mẫu, trong vòng thời gian 9 năm diện tích đất canh

tác giảm 120 triệu mẫu. Nhằm bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, diện tích đất canh tác Trung Quốc cần phải duy trì phải trên 1,824 tỷ mẫu. Giai đoạn từ nay về sau, mặc dù sẽ kiên trì thực hiện chế độ bảo đảm đất canh tác một cách nghiêm ngặt, nhưng tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá tăng nhanh, xu thế đất canh tác tiếp tục giảm vẫn khó ngăn chặn được về cơ bản. Càng nghiêm trọng hơn là đại bộ phận tiền chuyển nhượng đất không được dùng vào xây dựng nông thôn và bảo đảm đời sống cho nông dân mất đất nên làm cho vấn đề nông dân mất đất trở nên bức xúc. Nông dân mất đất trong cả nước lên tới hơn 40 triệu người, rất nhiều người nông dân mất đất tuy có hộ tịch trong thành phố, nhưng không có việc làm và tham gia vào an sinh xã hội. Có học giả kiến nghị nên cho phép nông dân góp cổ phần bằng phương thức cho thuê đất, tham gia vào việc phân phối lợi ích từ đất đai để thu được lợi ích ổn định lâu dài từ giá trị gia tăng của đất đai. Hai là, nguồn nước ngọt không đủ. Năm 2005, nguồn nước ngọt bình quân đầu người không đến 2.200 m³, chỉ bằng 27% mức bình quân đầu người của thế giới. Nguồn nước ngọt của Trung Quốc phân bố không đều, miền Bắc thiếu nước, nguồn nước miền Nam phong phú, trong lịch sử đã có tình trạng “lương thực miền Nam chuyển lên miền Bắc”. Nhưng từ khi cải cách mở cửa đến nay sản xuất lương thực tiêu hao nước nhiều dần dần do miền Bắc đảm nhiệm việc sản xuất, tình trạng “lương thực miền Nam chuyển

lên miền Bắc” được thay thế bằng “lương thực miền Bắc chuyển xuống miền Nam”. Ba là, hệ thống thuỷ lợi xuống cấp, không được tu sửa. Đến cuối năm 2005, diện tích tưới tiêu đất canh tác là 825 triệu mẫu, chiếm 45% tổng diện tích đất canh tác, hơn một nửa đất canh tác là dựa vào tự nhiên để sản xuất, trong 85.000 đập nước đã xây dựng, có tới 36% là đập nước lại xuống cấp trầm trọng.

▪ *Khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn lớn.* Vấn đề thu nhập của nông dân là vấn đề hạt nhân trong chính sách “tam nông”. Thu nhập của nông dân tăng nhanh hay chậm vừa ảnh hưởng trực tiếp đến sự phồn vinh và ổn định của nông thôn và đời sống nông dân, lại vừa liên quan đến sự phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn, cũng như sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc dân. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, quá trình tăng thu nhập của nông dân có thể chia thành 4 giai đoạn, xảy ra 2 lần giao động lớn. Giai đoạn thứ nhất là từ năm 1978 – 1984, giai đoạn này thu nhập của nông dân tăng rất nhanh, nguyên nhân chủ yếu là do chế độ khoán đến hộ gia đình, phát huy được tính tích cực tăng mức sản xuất và tăng thu nhập của nông dân. Giai đoạn thứ hai là từ 1985 đến đầu năm 1990, đây là giai đoạn do kinh tế vĩ mô thu hẹp nên thu nhập của nông dân đã giảm xuống. Giai đoạn thứ ba là từ đầu những năm 1990 đến năm 1996, đây là giai đoạn kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh, xí nghiệp hương trấn nông thôn phát triển

và số lượng nông dân ra thành phố làm thuê tăng lên đã làm cho thu nhập của người nông dân tăng tương đối nhanh. Giai đoạn thứ tư là từ năm 1996 đến nay, việc tăng thu nhập của nông dân giảm xuống, chủ yếu là do thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố, đặc biệt là do thị trường lao động gây nên, giữa thành thị và nông thôn không được hưởng đều thành quả của sự tăng trưởng kinh tế, nên tạo ra sự gia tăng khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa người dân thành thị và nông thôn. Theo thống kê, năm 1978 thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân là 133,6 NDT, thu nhập bình quân đầu người của cư dân thành thị là 343,4 NDT, mức chênh lệch giữa nông thôn và thành thị là 1: 2,57. Nhưng do kết cấu kinh tế nhị nguyên ở thành thị và nông thôn chưa được phá vỡ, nên khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn chưa được thu hẹp, trong thời gian 3 năm từ năm 2003 đến năm 2005, mức chênh lệch thu nhập giữa cư dân thành thị và nông thôn lần lượt là 1: 3,23, 1: 3,21 và 1: 3,22. Năm 2006, thu nhập thuần bình quân đầu người của nông dân là 3.587 NDT, thu nhập bình quân đầu người cư dân thành thị là 11.759 NDT, khoảng cách chênh lệch này tăng lên đến 1: 3,28. Có học giả cho rằng, nếu tính cả các loại trợ cấp và lưu chuyển chi tài chính của chính phủ mà người dân thành thị nhận được, thì khoảng cách chênh lệch thu nhập thực tế giữa thành thị và nông thôn có thể gấp 5 lần. Xu thế gia tăng khoảng cách chênh

lệch lớn về thu nhập giữa thành thị và nông thôn trong thời gian ngắn khó giải quyết được. Sức mua của nông dân không đủ đã trở thành nhân tố hạn chế sự phát triển kinh tế của Trung Quốc, cũng là nhân tố hạn chế việc thay đổi phương thức tăng trưởng kinh tế từ do đầu tư kích thích tăng trưởng sang phương thức do tiêu dùng kích thích kinh tế tăng trưởng.

▪ *Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và sự nghiệp xã hội như giáo dục, y tế phát triển chậm.* Hiện nay, vấn đề tồn tại ở nông thôn đang nổi cộm là không đi học được, không dám ốm, xây dựng cơ sở hạ tầng đường hương thôn lạc hậu. Theo thống kê, nông thôn còn có gần 10.000 hương trấn, 300.000 thôn hành chính chưa có đường xi măng hoặc đường nhựa, trong đó 70 hương trấn và gần 40.000 thôn hành chính không có đường liên thông; nước uống của khoảng 280 triệu nông dân không an toàn, khoảng 20 triệu dân ở nông thôn không có điện để dùng. Năm 2005, mỗi 1.000 người thành phố có 3,67 giường bệnh, nhưng ở nông thôn chỉ có 0,76 giường; chi phí cho thiết bị y tế mỗi giường bệnh ở thành phố là 88.000 NDT, còn ở nông thôn chỉ là 11.000 NDT. Năm 2005, số năm được giáo dục bình quân của nông dân là 7,7 năm, trong số 500 triệu người lao động ở nông thôn, thìnhững người có trình độ văn hoá trên phổ thông trung học chỉ chiếm 13,68%, số người có trình độ văn hoá tiểu học và dưới tiểu học chiếm 34,10%, không biết mặt chữ và biết chữ rất ít chiếm 6,78%.

Với tình trạng trên đây, thì phương hướng chủ yếu của việc đầu tư tài chính công ở nông thôn là giáo dục, y tế và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đặc biệt là việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng năng lực về việc làm và tăng thu nhập của người nông dân. Theo tính toán của học giả Trung Quốc, trình độ giáo dục của người lao động ở nông thôn Trung Quốc có liên quan đến mức thu nhập tiền lương bình quân đầu người. Mỗi người lao động trong gia đình nông dân tăng 1 năm giáo dục, thì thu nhập tiền lương bình quân của hộ gia đình nông dân có thể tăng lên 1.000 NDT.

▪ *Đô thị hoá đối mặt với nhiều vấn đề còn đợi giải quyết.* Từ năm 1978 đến năm 2005, tỷ lệ đô thị hoá tăng từ 17,9% lên đến 43%. Hiện nay, có khoảng 140 triệu lao động và gia quyến của họ rời khỏi nơi ở mà họ đăng ký hộ tịch để làm công nhân và kinh doanh, trong đó có một bộ phận tương đối lớn đã vào thành phố, nhưng khó định cư được trong thành phố. Do hiện thực khó khăn về việc làm, nhà ở, bảo hiểm xã hội, nên những nông dân vào thành phố rất khó thay đổi thân phận của mình để trở thành người dân thành phố thực sự.

Việc thúc đẩy đô thị hoá hiện nay, đi theo con đường dựa vào phát triển các đô thị lớn, dựa vào phát triển vành đai ngành nghề ven biển, về cơ bản giống như con đường phát triển của Mỹ, Nhật đã đi qua. Nhưng vấn đề là dân số Trung Quốc nhiều hơn Mỹ 1 tỷ người và gấp 10 lần Nhật. Trước tình trạng này, Trung

Quốc đã quyết định cùng với việc thúc đẩy đô thị hoá, thì dân số nông thôn sẽ từng bước giảm xuống, nhưng tổng lượng dân số sống ở nông thôn vẫn rất lớn. Theo tính toán, năm 2010, dân số Trung Quốc sẽ đạt đến 1,366 tỷ người, tỷ lệ đô thị hoá là 47%, năm 2020 dân số sẽ đạt đến 1,449 tỷ người, tỷ lệ đô thị hoá là 55%. Đến khoảng năm 2030, dân số Trung Quốc sẽ đạt đến 1,5 tỷ người, tỷ lệ đô thị hoá là 60%. Dựa vào tính toán này, đến năm 2010 dân số hương thôn Trung Quốc là 724 triệu người, năm 2020 là 652 triệu người, năm 2030 vẫn giữ ở mức khoảng 600 triệu người. Điều này cho thấy giải quyết vấn đề nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc không thể chỉ đơn thuần dựa vào con đường đô thị hoá, trong tiến trình thúc đẩy đô thị hoá, cần phải tiến hành song song việc xây dựng nông thôn mới, cần phải đi theo con đường phát triển nhịp nhàng giữa các thành phố cỡ lớn, vừa, nhỏ và các thị trấn cỡ nhỏ. Dựa vào một số đô thị lớn, khu vực phát triển vùng ven biển đều không thể dung nạp hết lượng dân số nông thôn lớn. Điều này cần phải điều chỉnh bố trí kinh tế, dẫn dắt việc sắp xếp các nguồn lực một cách thích hợp chuyển dịch “xuống dưới”, “vào bên trong”, hình thành nhiều trung tâm tăng trưởng kinh tế đa cực, nhất là phải phát triển kinh tế khu vực huyện, làm cho việc đô thị hoá vừa trở thành quá trình dung nạp dân số nông thôn với mức độ lớn nhất, lại vừa là quá trình trực tiếp thúc đẩy nông nghiệp phát triển, nông thôn phồn vinh, nông dân giàu có.